

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 15/02/2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em

Bà Lâm Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2022/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 406/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trương Thanh H, sinh năm 1972 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, Tiền Giang.

Bị đơn: Phùng Minh T, sinh năm 1987 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn anh Phùng Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn Trương Thanh H trình bày: Chị và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2014 theo giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 17/7/2014. Quá trình chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung: Có 01 con chung tên Phùng Thị Minh T1, sinh ngày 18/9/2015. Ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung,

không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phùng Minh T trình bày: Anh thống nhất với lời trình của chị H về thời gian kết hôn, về con chung và thời gian xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn. Do vợ chồng mâu thuẫn nên nay chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh đồng ý để chị H nuôi con chung anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có phần đất diện tích 209,2 m² thuộc thửa đất 710, tờ bản đồ số 05 tại: ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Do chị H nói mắc nợ nên anh đồng ý ký tên bán đất với giá 100.000.000 đồng để chị H trả nợ và dư ra thì mua miếng đất khác nhưng chị H bán đất trả nợ không mua lại miếng đất khác. Nay ly hôn anh yêu cầu chị H chia lại cho anh số tiền 50.000.000 đồng. Yêu cầu giao tiền làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Về nợ chung: Không có

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 406/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 56, 59, 62 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thanh H.

Chị Trương Thanh H được ly hôn với anh Phùng Minh T.

2/ Về con chung:

Chị Trương Thanh H được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Phùng Thị Minh T1, sinh ngày 18/9/2015;

Anh Phùng Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh Phùng Minh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Bác toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung của anh Phùng Minh T về việc yêu cầu chị H giao lại số tiền 50.000.000 đồng.

4/ Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 06/10/2022, bị đơn anh Phùng Minh T có đơn kháng cáo bản án Hôn nhân sơ thẩm về phần tài sản. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc chị H phải chia cho anh T 50.000.000 đồng tiền bán đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thống nhất giải quyết được vụ án.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về nội dung kháng cáo: Anh T kháng cáo yêu cầu chia 50.000.000 đồng tiền bán đất là không có cơ sở. Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Trương Thanh H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Phùng Minh T. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “xin ly hôn” đúng theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn chị Trương Thanh H, bị đơn anh Phùng Minh T là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Sau khi tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bên không kháng cáo về hôn nhân và con chung chỉ kháng cáo về phần tài sản. Đơn kháng cáo của anh Phùng Minh T đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh T hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa anh T và chị H đều thừa nhận: Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có tạo lập được phần đất diện tích 209,2 m² thuộc thửa đất 710, tờ bản đồ 05 tại: ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, nhưng do mắc nợ nên anh chị đã bán đất với giá 100.000.000 đồng để trả nợ. Nay ly hôn anh T yêu cầu chị H chia lại cho anh số tiền 50.000.000 đồng bán đất. Tuy nhiên, phía chị H không đồng ý trả 50.000.000 đồng cho anh T vì cho rằng số tiền bán đất đã trả nợ và chi tiêu trong gia đình hết. Việc bán và sử dụng nguồn tiền trên anh T đều thống nhất đồng ý. Anh T yêu cầu chị H chia 50.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu chia tài sản chung của anh T

là không có cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 28,35, 39, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 116 Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các điểm a, b, đ khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phùng Minh T. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 406/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trương Thanh H được ly hôn với anh Phùng Minh T.

2/ Về con chung:

Chị Trương Thanh H được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Phùng Thị Minh T1, sinh ngày 18/9/2015;

Anh Phùng Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh Phùng Minh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Bác toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung của anh Phùng Minh T về việc yêu cầu chị H giao lại số tiền 50.000.000 đồng.

4/ Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

5/ Về án phí: Chị Trương Thanh H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007841 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Phùng Minh T không phải chịu án phí sơ thẩm, anh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0028095 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh T được hoàn lại 1.2500.000 đồng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0028024 ngày 11/8/2022.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Đông;
- CCTHADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan